

THÔNG BÁO

Đề nghị cung cấp Bảng báo giá các mặt hàng phục vụ nấu ăn cho học sinh năm học 2025- 2026

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu thầu;

Căn cứ tình hình, nhu cầu thực tế của học sinh nội trú, bán trú Trường PTDTNT THPT Tu Mơ Rông năm học 2025-2026;

Trường PTDTNT THPT Tu Mơ Rông có nhu cầu mua các mặt hàng thực phẩm tươi sống, rau, củ, quả, hàng khô, ... phục vụ nấu ăn cho học sinh nội trú, bán trú của Nhà trường năm học 2025-2026; đề nghị quý doanh nghiệp, công ty, hộ kinh doanh, nhà cung cấp kinh doanh mặt hàng trên cung cấp cho Nhà trường Bảng báo giá (có danh mục kèm theo):

Các mặt hàng trên Bảng báo giá phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và đầy đủ hồ sơ pháp lý theo quy định của pháp luật về An toàn vệ sinh thực phẩm.

Bảng báo giá gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện theo địa chỉ: Trường PTDTNT THPT Tu Mơ Rông, thôn Kon Tun, xã Tu Mơ Rông, tỉnh Quảng Ngãi chậm nhất ngày **26/8/2025**.

Trường Trường PTDTNT THPT Tu Mơ Rông mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của các đơn vị./.

Nơi nhận:

- Các nhà cung cấp trong tỉnh;
- Hiệu trưởng, các P Hiệu trưởng;
- Các Tổ Chuyên môn;
- Website Nhà trường;
- Lưu: VT, KT.



Văn Trọng Lưu



DANH MỤC
BẢNG BẢO GIÁ

(Kèm theo Thông báo số: 07/TB-DTNT ngày 18/8/2025 của Trường PTDTNT THPT
Tu Mơ Rông)

TT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Đơn giá	Ghi chú
GIA VỊ, HÀNG KHÔ				
1	Dầu ăn (loại orchid Thái)	1 lit		
2	Bột ngọt (loại Vedan)	1 kg		
3	Hạt nêm (loại Meizan)	1 kg		
4	Ốt bột	1 kg		
5	Hành khô	1 kg		
6	Muối mịn (loại iot)	bì (0,5kg)		
7	Nước mắm	1 lit		
8	Đường kính trắng	1 kg		
9	Mì tôm Hào Hào chua cay	1 gói		
10	Mì tôm Gấu đỏ	1 gói		
11	Mì tôm Kokomi	1 gói		
12	Mì tôm 3 miền	1 gói		
13	Sữa đặc loại 40g	1 hộp		
14	Sữa chua Ba vị trắng loại 100g	1 hộp		
THỰC PHẨM TƯƠI SỐNG				
15	Thịt heo (thịt mông, vai, ba chỉ)	1 kg		
16	Thịt gà (nguyên con, làm sẵn)	1 kg		
17	Cá ngừ	1 kg		
18	Cá chim	1 kg		
19	Thịt heo xay	1 kg		
20	Trứng gà công nghiệp	quả		
21	Đậu khuôn chiên	bì (0,5 kg)		
22	Khóm	quả		
23	Cà chua	1 kg		
24	Đậu ve	1 kg		
26	Bắp xù	1 kg		
27	Bầu canh	1 kg		
28	Bí xanh	1 kg		

29	Bí đỏ	1 kg		
30	Cà tím	1 kg		
31	Cà mỡ	1 kg		
32	Rau cải chíp	1 kg		
33	Rau cải thìa	1 kg		
34	Rau má	1 kg		
35	Su su	1 kg		
36	Giá	1 kg		
37	Ngò	bó (0,5 kg)		
38	Hành lá	bó (1,5 kg)		
39	Sả	1 kg		
40	Ớt tươi	1 kg		
VẬT PHẨM HỌC SINH				
41	Giấy vệ sinh (Loại bịch 10 cuộn)	1 cuộn		
42	Kem đánh răng (loại colgate size nhỏ) 45 gam	1 tuýp		
43	Xà bông tắm (loại lifebuoy)	1 cục		
44	Bột giặt (loại lix nhỏ) 250 gam	1 gói		